

Số: 59 /QĐ-KHCN

Tây Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020
của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 33/TB-STC ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Sở Tài chính về kết quả thẩm định Dự toán năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-KHCN ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Quyền

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **VĂN PHÒNG - SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Chương: 417

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC - NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-KHCN ngày 26 / 4 / 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ)

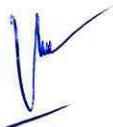
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	123.950.000	123.950.000			
1	Số thu phí, lệ phí	123.950.000	123.950.000	-	-	-
1.1	Lệ phí	2.400.000	2.400.000			
	Lệ phí về cấp chứng nhận, cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép	2.400.000	2.400.000			
1.2	Phí	121.550.000	121.550.000	-	-	-
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	117.050.000	117.050.000			
	Phí thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân	1.500.000	1.500.000			
	Phí thẩm định điều kiện hạt động về KH&CN	3.000.000	3.000.000			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	42.327.985	42.327.985	-	-	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	42.327.985	42.327.985			
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính	42.327.985	42.327.985			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ	42.327.985	42.327.985			
C	Số thu nộp NSNN	20.482.500	20.482.500			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	20.482.500	20.482.500	-	-	-
1.1	Lệ phí	2.400.000	2.400.000	-	-	-
	Lệ phí cấp giấy ĐK hoạt động CS bức xạ + Chứng chỉ nhân viên BX	2.400.000	2.400.000			
1.2	Phí	18.082.500	18.082.500	-	-	-
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	17.557.500	17.557.500			
	Phí thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân	225.000	225.000			
	Phí thẩm định điều kiện hạt động về KH&CN	300.000	300.000			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.793.615.790	8.793.615.790	2.884.973.425	523.433.486	-
1	Chi quản lý hành chính	3.723.583.812	3.723.583.812	2.866.073.425	27.433.486	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.506.824.772	3.506.824.772	2.866.073.425	27.433.486	-
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	216.759.040	216.759.040			
2	Nghiên cứu khoa học	5.051.131.978	5.051.131.978	-	496.000.000	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.051.131.978	5.051.131.978	-	496.000.000	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	5.051.131.978	5.051.131.978		496.000.000		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi bảo đảm xã hội	18.900.000	18.900.000	18.900.000			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	18.900.000	18.900.000	18.900.000			
4	Chi Chương trình mục tiêu						
4.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)						
4.2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)						

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KIỀU VÂN

Tây Ninh ²⁶ tháng 4 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Kim Quyên